TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 8 - 2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Thu Lan

Bà Ngô Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Y, xã A, tỉnh Lào Cai, có mặt.

2. Bị đơn*:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Thôn Y, xã A, tỉnh Lào Cai, vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2025, bản tự khai ngày 02/4/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Bùi Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị T được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 06/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã A, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng về ở cùng bố mẹ anh N tại thôn N, xã H, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (nay là thôn G, xã A, tỉnh Lào Cai). Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị T mải chơi không chăm lo đến gia đình và anh có nghi ngờ chị T có người đàn ông khác ở bên ngoài, từ tháng 02 năm 2024 chị T về ở cùng bố mẹ đẻ sau đó vài ngày thì vào Miền Nam không nói cho anh N biết ở đâu và cũng từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau và cũng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay

anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

* Tại bản tự khai ngày 15/5/2025, bị đơn là chị Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 06/9/2022 tại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã A, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh N tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là thôn G, xã A, tỉnh Lào Cai). Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến ngày 15/02/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng đã giải quyết và cũng được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả và chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống sau đó chị vào Miền Nam làm việc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Bùi Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn đối với chị Đinh Thị T. Đây là tranh chấp về ly hôn. Chị T đăng ký thường trú tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn G, xã A, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 3, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị T vắng mặt tại các phiên họp nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn N và chị Đinh Thị T kết hôn ngày 06/9/2022 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã A, tỉnh Lào Cai). Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tại thời điểm kết hôn anh N, chị T đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh N tại thôn

N, xã H, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là thôn G, xã A, tỉnh Lào Cai), quá trình chung sống vợ chồng đã sảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 02/2025 chị T bỏ về ở cùng bố mẹ đẻ, sau đó vào Miền Nam làm việc và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh N, chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh N, chị T đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngọc. Xử cho anh N, chị T được ly hôn.

- Về con chung: Anh N, chị T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Về án phí: Anh N, chị T đều nhất trí ly hôn trước khi mở phiên tòa nên anh N, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bùi Văn N và chị Đinh Thị T được ly hôn.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn N phải chịu 75.000 (Bẩy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0002186 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, anh N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Chị Đinh Thị T phải chịu 75.000 (Bẩy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3- Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã A;
- Các đương sự (Anh N, chị T);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Hà